TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2026/HNGĐ-ST
Ngày 02 - 02 - 2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thức.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Chính và bà Lê Thị Hường.
- Thư ký phiên tòa: Bà Hán Thị Hồng Đào - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa tham gia phiên toà*:* Bà Nguyễn Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Minh T - sinh năm: 1993; trú tại: Thôn L, xã T, tỉnh Khánh Hòa *(yêu cầu vắng mặt).*

Bị đơn: Chị Lê Thị Kim A - sinh năm: 1999; trú tại: Thôn L, xã T, tỉnh Khánh Hòa *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/05/2025, lời khai trong hồ sơ, nguyên đơn anh Phạm Minh T trình bày: Anh và chị Lê Thị Kim A tự nguyện tìm hiểu và tiến đến chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (nay là xã T, tỉnh Khánh Hòa), theo giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 07/11/2018. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung tại nhà cha mẹ anh ở P. Năm 2024 do chị A đi vay tiền ở các áp và chơi game trên mạng dẫn đến nợ nần, nhắn tin qua lại với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Cha mẹ hai bên đều biết và có khuyên ngăn nhưng chị A không tu sửa và nhiều lần bỏ nhà đi. Vào tháng 12/2024, chị A tiếp tục bỏ nhà đi, anh điện thoại yêu cầu về thì chị A bảo làm đơn ly hôn; tuy nhiên, khi anh thông báo đã nộp đơn ly hôn thì chị A tắt máy đến nay không liên lạc được. Anh xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, anh không thể chấp nhận tính cách của chị A

nên chị A có về xin hàn gắn anh cũng không chấp nhận; anh yêu cầu Tòa án không hòa giải và sớm giải quyết dứt điểm cho anh được ly hôn chị A.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Phạm Thị Quỳnh N - sinh ngày 10/5/2019 hiện do anh nuôi dưỡng. Từ khi chị A bỏ nhà đi không hề quan tâm, hỏi thăm con nên anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện anh làm Công ty mỗi tháng thu nhập bình quân 14 – 15 triệu đồng, vẫn bảo đảm nuôi con đầy đủ nên không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng có 01 chiếc xe máy hiệu Vison và số nợ 100 triệu đồng do chị A tự vay nhưng anh không yêu cầu giải quyết trong vụ án.

Bị đơn – chị Lê Thị Kim A không chấp hành triệu tập của Tòa án, không có ý kiến và không có lời khai tại hồ sơ.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành triệu tập của Tòa án.

- Về yêu cầu khởi kiện: Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ xác định vợ chồng anh Phạm Minh T và chị Lê Thị Kim A xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Chị A đã nhiều lần bỏ đi rồi về hàn gắn nhưng không duy trì được hạnh phúc; vợ chồng đã tự sống ly thân từ tháng 12/2024 đến nay, không quan tâm nhau nên anh T yêu cầu ly hôn chị A là phù hợp pháp luật được chấp nhận.

Về con chung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh T được trực tiếp nuôi con. Anh T1 không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Anh Phạm Minh T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với bị đơn là chị Lê Thị Kim A, trú tại thôn L, xã T, tỉnh Khánh Hòa nên xác định đây là vụ án về Hôn nhân và Gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định

quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số: 85 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Khánh Hòa.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Phạm Minh T yêu cầu giải quyết vắng mặt; chị Lê Thị Kim A đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 07/11/2018 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (nay là xã T, tỉnh Khánh Hòa) xác định hôn nhân giữa anh Phạm Minh T và chị Lê Thị Kim A là hôn nhân hợp pháp.

[3.2]. Về mâu thuẫn: Chị Lê Thị Kim A đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập hợp lệ nên chị A biết anh T yêu cầu ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung nhưng không có văn bản nêu ý kiến là tự tước bỏ quyền phản bác của mình được quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó căn cứ lời khai của anh T và các chứng cứ trong hồ sơ để khẳng định: Vợ chồng anh T, chị A chung sống không tin tưởng nhau về tình cảm, không thống nhất quan điểm trong làm ăn dẫn đến mâu thuẫn; mặc dù vợ chồng đã nhiều lần tự hàn gắn nhưng không đạt kết quả và tự sống ly thân từ tháng 12/2024 đến nay. Tại biên bản làm việc ngày 11/12/2025, mẹ của chị A là bà Huỳnh Thị Kim T2 cho biết: Bà đã khuyên giải, hàn gắn nhưng vợ chồng chị A vẫn không về lại. Điều đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng đến nay đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên anh T yêu cầu giải quyết cho ly hôn chị A là có căn cứ chấp nhận.

[3.3]. Về con chung: Căn cứ giấy khai sinh số 31 ngày 16/5/2019 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (nay là xã T, tỉnh Khánh Hòa) và lời khai của anh T xác định: Vợ chồng anh T, chị A có 01 người con chung là Phạm Thị Quỳnh N - sinh ngày 10/5/2019 hiện do anh T nuôi dưỡng. Anh T1 yêu cầu được tiếp tục nuôi con là phù hợp nguyện vọng của cháu Q thể hiện tại Bản tự khai ngày 25/12/2025, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Anh T1 không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên không xem xét.

[3.4]. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T1 xác định tài sản chung có 01 chiếc xe máy vison và số nợ 100.000.000đ do chị A gây ra nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn chị anh Phạm Minh T chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số: 85 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 28, 39, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Minh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Minh T được ly hôn chị Lê Thị Kim A.

2. Về con chung: Giao anh Phạm Minh T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 01 người con chung tên Phạm Thị Quỳnh N - sinh ngày 10/5/2019.

Anh Phạm Minh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Lê Thị Kim A trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Nếu chị A lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị A.

Khi có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Anh Phạm Minh T chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001501 ngày 29/9/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 8 - Khánh Hòa;
- Phòng THADS khu vực 8 - Khánh Hòa;
- UBND xã Thuận Nam;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Thức